

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 144/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ**Hướng dẫn bố trí nguồn kinh phí, lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức**

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn bố trí nguồn kinh phí, lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định bố trí nguồn kinh phí, lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ để thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của công chức quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức (sau đây gọi là Nghị định số 173/2025/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc bố trí nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Bố trí nguồn kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức

1. Nguồn ngân sách nhà nước

a) Nguồn ngân sách nhà nước bố trí kinh phí quản lý hành chính không giao tự chủ của các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013.

b) Mức bố trí kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP.

c) Thời điểm xác định tổng quỹ tiền lương (bao gồm lương và các khoản phụ cấp lương) và tiền thưởng của cơ quan, đơn vị là thời điểm kết thúc năm ngân sách năm trước liền kề thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí huy động theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Nội dung và mức chi

1. Chi thanh toán tiền lương, tiền dịch vụ, tiền thưởng, thù lao, chế độ thuê khoán tương ứng với kết quả, sản phẩm theo thoả thuận hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường, trình độ, năng lực của cá nhân ký hợp đồng, người lao động thuộc tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ ký hợp đồng (nếu có), cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cụ thể tương xứng với nhiệm vụ và trong phạm vi dự toán được giao, nguồn kinh phí huy động (nếu có).

2. Chi bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ (công cụ, phương tiện cần thiết) đối với cá nhân ký hợp đồng, người lao động thuộc tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ ký hợp đồng (nếu có) thực hiện theo quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi kết thúc hợp đồng, việc xử lý tài sản đã được trang bị đối với cá nhân ký hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý và sử dụng tài sản công.

3. Chi họp Hội đồng tư vấn để tư vấn việc lựa chọn trước khi ký hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP

- a) Chi thù lao Chủ tịch Hội đồng tư vấn tối đa 1.800.000 đồng/người;
- b) Chi thù lao Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng tư vấn tối đa 1.500.000 đồng/người;
- c) Chi thù lao thư ký Hội đồng tư vấn tối đa 300.000 đồng/người.

Điều 4. Lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức

1. Việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về kế toán.

2. Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, cơ quan, đơn vị ký hợp đồng căn cứ vào quy định tại Điều 4, khoản 1 Điều 9, điểm a khoản 1 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP để xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí và phê duyệt nhiệm vụ thực hiện ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức để tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách của cơ quan, đơn vị; gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền bố trí, giao dự toán kinh phí thực hiện trong dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước (bao gồm hồ sơ tài liệu kèm theo quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Hồ sơ tài liệu kèm theo dự toán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức, bao gồm: Quyết định phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí của cơ quan, đơn vị ký hợp đồng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Đối với trường hợp cần ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức đối với các công việc đột xuất, cấp bách, chưa được tổng hợp trình cấp có thẩm quyền tại thời điểm xây dựng dự toán của năm kế hoạch, các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I chủ động sắp xếp trong dự toán kinh phí được giao để phân bổ cho đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp không thể sắp xếp, bố trí hoặc điều chỉnh trong dự toán kinh phí đã được giao; các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I chịu trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí, phê duyệt nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này, tổng hợp dự toán kinh phí để gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung kinh phí để thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 5. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Bích Ngọc